

Chuyển đổi số trong giáo dục đại học thách thức và một số giải pháp nhìn từ thực tế Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội

Ngô Thu Hiền*

* TS.Trường ĐH Kiểm Sát Hà Nội

Received: 10/7/2024; Accepted: 16/7/2024; Published: 15/8/2024

Abstract: Digital transformation in higher education has been implemented in many higher education institutions in our country in recent years to meet the standard set of indicators of the Ministry of Education and Training. To meet the need to improve the quality of teaching and learning, especially with the increasing trend of online training, it is necessary to carry out many synchronous and closely related tasks. In this study, the author addresses the opportunities and challenges of higher education institutions in implementing digital transformation in training and scientific research. Specifically, the article mentions solutions to synchronously and reasonably deploy training content to effectively implement online teaching in particular, contributing to improving the quality of higher education at the University of Procuracy Hanoi in the digital era.

Keywords: Digital transformation in education; University education; Hanoi Procuracy University.

1. Đặt vấn đề

Bản chất của chuyển đổi số là việc chuyển đổi từ cách giao tiếp, cách làm việc truyền thống sang cách sống và làm việc với dữ liệu số và sự kết nối của chúng trong không gian số. Quá trình chuyển đổi số gắn liền với cách mạng công nghiệp 4.0 và dẫn đến xu thế máy móc sẽ thay thế con người trong nhiều công việc hiện tại cũng như việc biến mất và ra đời của nhiều công việc mới. Hiện nay, các công nghệ kỹ thuật số đang trở thành một yếu tố thúc đẩy sự thay đổi trong giáo dục đại học, tác động đến tất cả các lĩnh vực từ dạy và học đến các hoạt động liên quan đến nhà trường, đến giảng viên và sinh viên. Giáo dục đại học là một trong những lĩnh vực chịu ảnh hưởng của chuyển đổi số và phải đối mặt với những thách thức khác nhau gây ra bởi những thay đổi nhanh chóng và đa dạng trong môi trường. Những thay đổi này có thể được chia thành các lĩnh vực: con người (người học, người dạy, nhà tài trợ, nhà quản lý), mô hình trường đại học, mô hình khóa học, dữ liệu và phân tích học tập, chi phí, đo lường thành công, và các mối đe dọa đối với khả năng được chấp nhận. Chuyển đổi số sẽ theo hướng giảm thuyết trình, truyền thụ kiến thức sang phát triển năng lực người học, tăng khả năng tự học, tạo cơ hội học tập mọi lúc, mọi nơi, cá nhân hóa việc học, góp phần tạo ra xã hội học tập và học tập suốt đời. Sự bùng nổ của nền tảng công nghệ IoT, Big Data, AI, mạng xã hội,...đang hình thành nên hạ

tầng giáo dục số. Chuyển đổi số tập trung vào hai nội dung chủ đạo là chuyển đổi số trong quản lý giáo dục và chuyển đổi số trong dạy, học, kiểm tra, đánh giá, nghiên cứu khoa học.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Những thách thức đặt ra đối với chuyển đổi số trong giáo dục đại học

Thứ nhất, thách thức từ phát triển khoa học công nghệ: Ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, thúc đẩy xây dựng xã hội học tập và học tập suốt đời là xu thế của giáo dục thế giới. Tại Việt Nam, việc triển khai đào tạo từ xa theo phương thức ddào tạo trực tuyến trong hệ thống giáo dục đại học đã có chủ trương, kế hoạch và lộ trình cụ thể. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều vấn đề đáng bàn: Mặc dù có số lượng lớn người sử dụng internet và các mạng xã hội, việc truy cập vào internet tăng đáng kể trong những năm vừa qua, nhưng việc sử dụng công nghệ cho mục đích giáo dục thì chưa cao, đặc biệt trong giáo dục phổ thông, vì vậy khi bước chân vào môi trường giáo dục đại học, sinh viên thường mất thời gian để hoàn thiện kỹ năng sử dụng không gian mạng trong học tập. Bên cạnh đó, không phải tất cả các giảng viên đều có năng lực và sự tự tin để sử dụng các công cụ kỹ thuật số để hỗ trợ công tác giảng dạy. Chuyển đổi số trong giáo dục đại học được hiểu là việc áp dụng các dịch vụ, công nghệ và kỹ thuật số của các TĐH, giúp cải thiện kết quả học tập, nâng

cao công bằng và nâng cao hiệu quả, và hiệu quả chỉ có và bền vững nhất khi cả người học và người dạy đều được đào tạo tốt về cách sử dụng tốt các phương tiện kỹ thuật để đạt được các mục tiêu giáo dục. Những tiến bộ trong kỹ thuật số cũng mang đến những thách thức cho người học và người dạy bởi thông tin đa chiều, khó kiểm chứng hoặc thông tin sai lệch được cung cấp bởi không gian mạng. Những người trẻ tuổi, cũng như người lớn dễ bị quấy rối, đe dọa hoặc các hành vi tiêu cực, bị làm phiền từ các nội dung trực tuyến. Việc tiếp xúc hàng ngày với dữ liệu số được điều khiển phần lớn bởi các thuật toán phức tạp tạo ra rủi ro rõ ràng và đòi hỏi nhiều hơn bao giờ hết tư duy phân biện và khả năng tham gia tích cực và thành thạo vào môi trường kỹ thuật số.

Thứ hai, thách thức từ vấn đề tài chính: CDS sẽ làm cho những yếu tố vốn dĩ là thế mạnh của mô hình giáo dục truyền thống sẽ không còn khi GV không phải là tài sản riêng của các TĐH vì họ có thể tham gia bất kỳ tổ chức nào sinh lợi nhuận và nhiều giá trị gia tăng khác. Trong khi đó, SV không còn là nguồn thu duy nhất của cơ sở giáo dục khi đây là chủ thể chủ động chọn mua các thành phần kiến thức có lợi trong kho tri thức cá nhân của họ. Giá trị thương hiệu của các TĐH khi đó không phải đo bằng những chỉ số giới hạn như cơ sở vật chất, thâm niên và các cá nhân xuất sắc mà là lòng tin của xã hội, khả năng tiếp cận với công nghệ số. Một trong những thách thức đặt ra là nếu các trường chuyển đổi sang mô hình trường học thông minh thì hàng loạt các yếu tố sẽ phải thay đổi liên quan tới các thiết bị phần cứng, phần mềm, công nghệ, phòng học thông minh đi cùng với hoạt động lao động sự phạm thông minh, quản lý người học, giảng viên thông minh và chương trình giảng dạy thông minh. Do vậy nhà trường cần nhiều kinh phí hơn để đầu tư cho hệ thống trang thiết bị số. Chính phủ đã phê duyệt đề án và chỉ ra rõ: Đến năm 2030, 100% nguồn lực giáo dục, chương trình giáo dục và đối tượng giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân được quản lý trên môi trường số, kết nối thông suốt toàn ngành và liên thông với các cơ sở dữ liệu, thông tin quốc gia.[1, tr.4]

Thứ ba, thách thức từ kiểm định chất lượng giáo dục và chuẩn cơ sở GDĐH: Làm thế nào để chứng minh rằng đầu ra của một TĐH nhất định phù hợp với nhu cầu thị trường? Các cơ sở GDĐH đang tổ chức thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy mới như một phần của chương trình giảng dạy hoặc thông

qua quan hệ đối tác trực tiếp với các doanh nghiệp, các tổ chức trong ngành, nhằm thiết kế chương trình giảng dạy cụ thể dựa trên phản hồi của người sử dụng lao động. Một đánh giá tốt sẽ cho phép kiểm tra kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ cần thiết của người học. Mặt khác, việc quốc tế hóa GDĐH đặt ra các tiêu chuẩn cao đối với các trường học, chuyển sang các tổ chức kiểm định để được chứng nhận chất lượng. Tại Việt Nam, các TĐH được kiểm định chất lượng giáo dục bởi các tổ chức chức đánh giá ngoài. Các Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục phối hợp với các tổ chức kiểm định chất lượng của ASEAN (ASEAN-QA và AQAN), AQAS, FIBAA, ASIIN, AUN-QA, QAA và các tổ chức để tổ chức đánh giá và công nhận các cơ sở giáo dục và các chương trình giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục của tổ chức quốc tế. Việc đáp ứng Bộ tiêu chí Chuẩn cơ sở giáo dục cũng là thách thức cho các cơ sở GDĐH ở nước ta nỗ lực hoàn thiện.

Cùng với đó là thách thức từ việc triển khai Bộ chỉ số, tiêu chí chuyển đổi số: Căn cứ vào Bộ chỉ số, tiêu chí đánh giá mức độ CDS cho 2 lĩnh vực: (1). CDS trong đào tạo. Các tiêu chí bắt buộc sau: Ban hành kế hoạch đào tạo trực tuyến; Quy chế đào tạo trực tuyến; Các tiêu chí khác (không bắt buộc) về phần mềm đào tạo trực tuyến, hệ thống quản lý học tập và kiểm tra đánh giá trực tuyến. Số lượng các khoá học trực tuyến. Hệ thống thư viện điện tử/ thư viện số đáp ứng. Tỷ lệ các môn học được kiểm tra, đánh giá trên máy tính kết nối mạng LAN với phần mềm máy chủ. Có tỷ lệ giảng viên khai thác phần mềm Tin học để đổi mới PPDH, kiểm tra. Tỷ lệ giảng viên xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử; (2). CDS trong quản trị cơ sở GDĐH. Các tiêu chí bắt buộc sau: Thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách triển khai ứng dụng chuyển đổi số; Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, CDS; Ban hành quy chế bảo đảm an toàn thông tin, quản lý, vận hành sử dụng.

2.2. Các giải pháp của Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội, đáp ứng các tiêu chí về chuyển đổi số trong bối cảnh hiện nay

Một là, Chuyển đổi số trong đào tạo: Nhà trường đã ban hành Quy chế ĐTTT trong đại dịch Covid 19 vào năm 2021. 100% GV của nhà trường đã sử dụng CNTT để đổi mới PPDH, kiểm tra đánh giá, xây dựng tài liệu học liệu số và bài giảng điện tử.

Hai là, CDS trong quản trị Nhà trường: Nhà trường đã thành lập Ban đề án xây dựng kế hoạch

chuyển đổi số, ban hành Kế hoạch thực hiện tăng cường ứng dụng CNTT và CDS trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030. Nhà trường cũng đã xây dựng đề án xây dựng cơ sở trang bị các thiết bị cần thiết cho việc CDS. Triển khai trang bị các phân hệ cần thiết của phần mềm quản lý đào tạo. Đã cập nhập tương đối đầy đủ dữ liệu cho phần mềm: Đảm bảo và Kiểm định chất lượng GDDH; phần mềm Lý lịch công chức, viên chức. Đã triển khai thư viện số, kết nối với một số thư viện các TĐH khác trên địa bàn thành phố Hà Nội và các TĐH đào tạo các chuyên ngành cùng các chuyên ngành đào tạo của nhà trường trên phạm vi toàn quốc. Tuy nhiên, để đạt được số điểm cần thiết (50 -75/100) để đáp ứng mức cơ bản tiến đến mức tốt (>75/100) của Bộ tiêu chí [Xem 2], trường Đại học Kiểm sát Hà Nội cần thực hiện ngay và đồng bộ 03 giải pháp sau:

Thứ nhất, tăng cường nhân lực CNTT: Bồi dưỡng nâng cao về kiến thức và kỹ năng sử dụng CNTT của các viên chức ở các phòng ban. Mỗi viên chức ở phòng ban phải sử dụng thành thạo tin học ở mức cơ bản và đáp ứng các chức năng của vị trí việc làm cá nhân. Đội ngũ GV phải khai thác sử dụng các phần mềm phù hợp với các học phần mình phụ trách để đổi mới phương pháp hình thức giảng dạy, phương pháp hình thức kiểm tra đánh giá, xây dựng học liệu số.

Thứ hai, cải tạo, nâng cấp hạ tầng CNTT: Quản trị, nâng cấp mạng LAN, trang bị máy chủ, quản trị hệ thống để trang bị một số phần mềm để triển khai dạy học, hỗ trợ kiểm tra đánh giá trực tuyến. Trang bị các phòng học hiện đại: Các phòng học phải được trang bị TV và GV, SV trong lớp học truy cập được Internet để khai thác tài liệu học tập và tương tác lẫn nhau.

Thứ ba, nhà trường cần trang bị một số phòng học chất lượng cao để đáp ứng dạy học trực tuyến, thao giảng, bồi dưỡng chuyên môn, hội họp trực tuyến... Trang bị các phần mềm: Phần mềm Quản lý đào tạo, phần mềm thi trắc nghiệm, thư viện, tuyển sinh, quản lý cơ sở vật chất để quản trị. Xây dựng kho học liệu số: Đội ngũ GV được giao nhiệm vụ xây dựng kho học liệu số, tạo nguồn tài nguyên đầy đủ, sẵn sàng dạy học trực tuyến. Xây dựng hệ thống pháp lý: Ban hành các kế hoạch, quy định, quy chế về đào tạo, kiểm tra, thi trực tuyến, việc quản trị hệ thống CNTT, tuyên truyền, khuyến khích quy định về việc sử dụng CNTT trong giảng dạy, quản lý, thực hiện công việc

theo chức năng, nhiệm vụ.

3. Kết luận

Đề quản trị hiệu quả của nhà trường cần xử lý được tất cả các thông tin trong một nền tảng thống nhất nhờ vào CDS. Mặc dù, trước mắt có thể có những khó khăn, thách thức, nhưng lợi ích mang lại là rất lớn. Do đó, Ban giám hiệu TĐH Kiểm sát Hà Nội cần quan tâm đầu tư thỏa đáng vào việc này. Quá trình CDS tự nó đã là một thách thức, không chỉ dừng lại ở việc ứng dụng các giải pháp công nghệ mà còn đòi hỏi đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, GV, SV và người lao động của nhà trường phải thay đổi cách suy nghĩ và hành động. Do đó, việc nhà trường tối ưu hóa các quy trình hành chính nội bộ bằng công nghệ là không đủ, điều cần thiết là lãnh đạo trường phải thấy rõ lý do tại sao cần phải làm điều này, khả năng và mục tiêu là gì, kết quả mang đến trong tương lai. CDS đặt ra nhiều thách thức nhưng cũng là cơ hội, CDS tạo ra các công cụ và cung cấp các phương pháp để biến thách thức này thành điều kiện thuận lợi. Khi sử dụng các nền tảng kỹ thuật số trong xây dựng học liệu, tổ chức giảng dạy cũng như các kỳ thi, kiểm tra thi bằng các công cụ khác nhau. Việc cần thiết là phải đạt chỉ số của mỗi tiêu chí và từng bước cải thiện để có kết quả cao hơn.

Tài liệu tham khảo

1. Ban chấp hành Trung ương, (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*

2. Bộ Giáo dục & Đào tạo, (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông Chương trình tổng thể.*

3. Chính phủ (2022), *Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”.*

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), *Quyết định số 4740/QĐ-BGDĐT, ngày 06/12 năm 2022 về việc Ban hành bộ chỉ số, tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục đại học.*

5. Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội (2024), *Kế hoạch số 96/KH-T2, ngày 22/4/2024, Thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số theo Kế hoạch số 65 của VKSNDTC tại trường Đại học Kiểm sát Hà Nội.*